

Số: 226/2025/QĐST - HNGĐ

Gò Vấp, ngày 06 tháng 3 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 147/2025/TLHNGĐ ST ngày 17/02/2025, giữa:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1969

Địa chỉ: Tân Uyên, Bình Dương

Bị đơn: Bà Lê Ánh H, sinh năm 1968

Địa chỉ: quận Gò Vấp, TPHCM

Căn cứ vào các Điều 39, 147, 212, 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
Căn cứ vào các Điều 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
Căn cứ vào các Điều 6, 7, 9 và 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014);

Căn cứ Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 02 năm 2025;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 02 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn T và bà Lê Ánh H thuận tình ly hôn. Giấy chứng nhận kết hôn số 239/2002 do Ủy ban nhân dân phường 11, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21/11/2002 không còn hiệu lực.

2/ Về con chung: Có một con chung tên Nguyễn Gia H, sinh ngày 01/7/2004 đã trưởng thành.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4/ Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) ông Nguyễn Văn T tự nguyện chịu. Cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) ông Nguyễn Văn T đã nộp theo biên lai thu số 0057298 ngày 17/02/2025 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh; Đương sự đã nộp đủ án phí.

5/ Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

6/ Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND QGV;
- Nơi cấp GCNKH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Lê Tứ Nhị